

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HỮU LŨNG
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2019/DS-ST

Ngày: 09 - 7 - 2019

V/v: Tranh chấp hợp đồng
mua bán tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỮU LŨNG, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Xuân Nghiêm

2. Ông Phạm Văn Xuân

- Thư ký phiên tòa: Ông Hứa Văn Nghiệp - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Tiến - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 7 năm 2019 tại Trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 04/2019/TLST-DS ngày 08 tháng 01 năm 2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2019/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 5 năm 2019 và quyết định hoãn phiên tòa ngày 20/6/2019, giữa các đương sự:

1. Đồng Nguyên đơn:

Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1963, vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt

Ông Nguyễn Duy H, sinh năm 1957, vắng mặt. Người được ủy quyền của ông Nguyễn Duy H bà Nguyễn Thị Đ (Đồng nguyên đơn).

Cùng địa chỉ: Số N, đường B, khu A, thị trấn H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn.

2. Đồng bị đơn:

Chị Hoàng Thị L, sinh năm 1980, vắng mặt.

Anh Đào Văn T, vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Xóm V, xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và những lời khai tiếp theo, đồng nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đ, ông Nguyễn Duy H trình bày:

Gia đình bà có cửa hàng kinh doanh lương thực , phân bón, thức ăn gia súc, từ mối quan hệ khách hàng, chị Hoàng Thị L và anh Đào văn T có đặt vấn đề mua nợ tiền cám lợn và được ông, bà đồng ý, hai bên thỏa thuận sau 3 tháng phải trả hết nợ , nếu sai hẹn phải trả lãi . Vợ chồng chị Hoàng Thị L và anh Đào văn T bắt đầu mua cám từ ngày 31/3/2016 nhưng khi đến hạn lại không thanh toán được hết tiền hàng cho gia đình bà theo thỏa thuận mà cứ khất lần , đến tháng 4 năm 2017 chị Hoàng Thị L và anh Đào văn T còn nợ tiền hàng là 47.372.000đ nên ông bà tính lãi của số tiền vay là 2%/tháng tính từ tháng 5/2017 đến tháng 6/2018 với tổng tiền lãi là 12.575.000đ nhưng chị Hoàng Thị L và anh Đào văn T vẫn chưa trả được nợ, nên ngày 12/7/2018 hai bên đã lập “biên bản đòi chiếu công nợ” xác định số tiền hàng còn nợ là 59.947.000đ, hẹn đến 30/7/2018 sẽ trả hết số nợ nhưng đến nay vẫn chưa trả được đồng nào . Bà Nguyễn Thị Đ, ông Nguyễn Duy H khởi kiện yêu cầu chị Hoàng Thị L và anh Đào văn T trả nợ tiền hàng là 59.947.000đ và yêu cầu trả lãi của số tiền nợ trên với mức lãi là 1%/tháng từ ngày 01/8/2018 tạm tính đến ngày 17/01/2019 là 5,5 tháng (tổng 165 ngày) $\times 59.947.000 \text{ đồng} \times 1\%/\text{tháng} = 3.297.000\text{đ}$. Tổng cộng cả gốc và lãi bà Nguyễn Thị Đ, ông Nguyễn Duy H yêu cầu chị Hoàng Thị L và anh Đào văn T phải trả là 63.244.000đ.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 18/4/2019 bị đơn chị Hoàng Thị L trình bày:

Năm 2017 gia đình chị có chăn nuôi lợn số lượng lớn nên thường xuyên ra cửa hàng lương thực của bà Nguyễn Thị Đ và ông Nguyễn Duy H để mua cám lợn về chăn nuôi, mỗi lần mua đều ghi và ký vào sổ của ông bà Đ, H, bản thân chị không lập sổ theo dõi riêng . Mỗi lần mua chị luôn thanh toán tiền nợ của lần mua trước . Đến tháng 4 năm 2018 chị có mua cám với ông bà Đ, H 03 lần nhưng khi đó giá lợn quá rẻ, không bán được nên chị không có tiền trả. Tổng 3 lần mua nợ là 47.947.000đ chị có xin ông bà Đ, H cho trả dần . Ngày 12/7/2018 ông bà Đ, H đến nhà đòi nợ, nhưng do chưa có tiền trả nên ông bà Đ, H lập “biên bản đòi chiếu công nợ” và tính lãi là 2%/tháng tương ứng với số tiền lãi là 12.000.000đ. Hai bên cùng ký vào biên bản đòi chiếu công nợ với tổng số tiền còn nợ là 59.947.000đ và cho vợ chồng chị hẹn đến 30/7/2018 phải thanh toán xong toàn bộ nợ trên, nếu không trả được sẽ tính lãi là 3%/tháng. Tuy nhiên do kinh tế gia đình khó khăn chị chưa trả được đồng nào . Nay ông bà Đ, H khởi kiện, chị đồng ý trả số tiền nợ gốc là 59.947.000đ. Còn đối với yêu cầu về lãi ông, bà Đ, H đưa ra chị không đồng ý vì hiện gia đình chị khó khăn, đề nghị ông bà Đ, H giảm mức lãi tính theo lãi xuất ngân hàng để chị có khả năng trả được hết số nợ.

Quá trình giải quyết vụ án, đồng bị đơn anh Đào Văn T (chồng chị Hoàng Thị L) đã được Tòa án triệu tập họp lên nhiều lần nhưng đều vắng mặt không có lý do. Tại biên bản xác minh ngày 05/3/2019 bà Cao Thị N là mẹ của anh chị L, T cho biết hiện anh chị L, T đi làm thuê tại khu Ao Giời , thôn Vạn Thắng, xã Hòa Thắng, huyện Hữu Lũng, sáng sớm đi đến tối mới về , anh chị L, T thương

xuyên vắng nhà; cũng tại biên bản làm việc cùng ngày 05/3/2019 được Ủy ban nhân dân xã Hòa Thắng cho biết chị Hoàng Thị L và anh Đào Văn T vẫn đang cư trú, sinh sống và có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn Vạn Thắng, xã Hòa Thắng, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn. Hơn nữa chị Hoàng Thị L cũng thừa nhận đã nhận được giấy triệu tập và các thông báo của Tòa án, tuy nhiên do bận đi làm ăn đến tối muộn mới về nên không có thời gian. Tòa án đã thực hiện niêm yết công khai văn bản tố tụng và giấy triệu tập, nhưng anh Đào Văn T vẫn cố tình vắng mặt không có lý do.

Tòa án tiến hành mở phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng đồng bị đơn vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được vụ án.

Ngày 20/6/2019 Tòa án mở phiên tòa lần 1 nhưng chị Hoàng Thị L và anh Đào Văn T đều vắng mặt không rõ lý do, Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa. Sau khi hoãn phiên tòa, mọi người đã ra về, đến 09 giờ 30 phút ngày 20/6/2019 chị Hoàng Thị L và anh Đào Văn T mới có mặt.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và có đơn xin xét xử vắng mặt; đồng bị đơn chị Hoàng Thị L và anh Đào Văn T tiếp tục vắng mặt tại phiên tòa lần 2 không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và phát biểu quan điểm giải quyết nội dung vụ án như sau:

Về trình tự, thủ tục tố tụng: Thẩm phán đã thực hiện đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về Thẩm quyền thụ lý vụ án; thông báo thụ lý; xác định tư cách những người tham gia tố tụng; giao nộp, thu thập chứng cứ; thủ tục cấp, thông báo, tổng đạt các văn bản tố tụng; thời hạn chuẩn bị xét xử; thủ tục mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đều thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 26, 39, 68, 93, 97, 179, 195, 196, 203, 208, 211, 220 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về xác định quan hệ pháp luật tranh chấp phải là “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” vì bản chất quan hệ tranh chấp của đương sự phát sinh từ việc mua bán cám, thức ăn chăn nuôi, do vậy cần xác định lại quan hệ tranh chấp để áp dụng pháp luật phù hợp trong quá trình giải quyết vụ án. Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; đồng bị đơn không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án là không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Ý kiến về việc giải quyết vụ án: đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc chị Hoàng Thị L và anh Đào Văn T phải trả số tiền 47.372.000đ cho bà Nguyễn Thị Đ và ông Nguyễn Duy H. Đối với khoản tiền lãi từ tháng 5/2017 đến tháng 6/2018 (13,5 tháng) nguyên đơn yêu cầu lãi 2%/tháng vượt quá mức lãi xuất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự (20%/năm), do vậy phần vượt quá 4% không

có hiệu lực, mức lãi xuất áp dụng trong trường hợp này là 20%/năm. Áp dụng quy định tại Điều 357; khoản 3 Điều 440; khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự, chị Liễu, anh Tuấn phải trả số tiền nợ là 47.372.000đ cộng với lãi xuất 20%/năm tính từ tháng 5/2017 đến 31/7/2018 (13,5 tháng) xác định đây là khoản nợ gốc. Đối với yêu cầu trả lãi từ 01/8/2018 đến khi mở phiên tòa, do các đương sự đã tự thỏa thuận là 1%/tháng đối với nợ gốc do vậy chị Liễu, anh Tuấn phải trả theo mức lãi nêu trên; về án phí, bị đơn phải chịu án phí dân sự cấp sơ thẩm. Yêu cầu kiến nghị khắc phục vi phạm không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về việc xét xử vắng mặt các đương sự: Tại phiên tòa ngày 20/6/2019 bị đơn vắng mặt, nên Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa lần 1. Tại phiên tòa ngày hôm nay (09/7/2019) bị đơn chị Hoàng Thị L và anh Đào Văn T vẫn vắng mặt lần 2 không có lý do mặc dù đã được Tòa án tổng đạt văn bản tố tụng 02 lần hợp lệ; nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy, căn cứ Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt tất cả các đương sự.

[2] Về xác định quan hệ tranh chấp: Xét quan hệ tranh chấp giữa các đương sự phát sinh từ hoạt động mua bán hàng hóa phục vụ nhu cầu chăn nuôi phát triển kinh tế của hộ gia đình nên xác định đây là tranh chấp hợp đồng dân sự được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự bản chất tranh chấp phát sinh giữa các đương sự trong vụ án này là việc bên mua không thanh toán tiền mua hàng cho bên bán, do vậy căn cứ quy định tại Điều 430 Bộ luật Dân sự xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án này là “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” như đại diện Viện kiểm sát đưa ra là có căn cứ

[3] Về thẩm quyền: Căn cứ Điều 26; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự, bị đơn là cá nhân hiện cư trú, sinh sống trên địa bàn huyện Hữu Lũng nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

[4] Về yêu cầu trả nợ: Giao dịch giữa bà Nguyễn Thị Đ và ông Nguyễn Duy H với chị Hoàng Thị L và anh Đào Văn T được xác lập năm 2016 từ hợp đồng mua bán hàng hóa (cám lợn, thức ăn chăn nuôi) bằng miệng. Việc mua, bán, thanh toán tiền và ghi nợ được lặp đi lặp lại nhiều lần, đến ngày 10/5/2017 các bên không tiếp tục thực hiện việc mua bán thì bên mua là chị Hoàng Thị L và anh Đào Văn T còn nợ bà Nguyễn Thị Đ và ông Nguyễn Duy H số tiền hàng là 47.372.000đ. Ngày 12/7/2018 các bên đã ký “biên bản đối chiếu công nợ” xác nhận số tiền nợ tính đến ngày 30/7/2018 là 59.947.000đ (đã cộng lãi 2%/tháng đến 30/7/2018, hẹn đến 30/7/2018 sẽ thanh toán xong nhưng chưa thanh toán. Bị đơn chị Hoàng Thị L chấp nhận trả số tiền nợ 59.947.000đ theo yêu cầu của bà Nguyễn Thị Đ, ông Nguyễn Duy H, nhưng chị không chấp nhận trả lãi 3% theo thỏa thuận tại biên bản đối chiếu công nợ, mà yêu cầu tính theo lãi xuất ngân hàng. Đồng bị đơn anh Đào Văn T, tuy không tham gia tố tụng theo quy định

nhưng chị Hoàng Thị L và anh Đào Văn T là vợ chồng, hiện sống chung nhà nên xác định anh Đào Văn T có biết việc bà Nguyễn Thị Đ, ông Nguyễn Duy H đang khởi kiện anh và chị Liễu nhưng anh Tuấn lại không có ý kiến gì nên xác định anh Đào Văn T cũng nhất trí với quan điểm, ý kiến của vợ là chị Hoàng Thị L đã khai. Xét thấy, có căn cứ xác định bị đơn chưa thanh toán tiền hàng cho nguyên đơn, vì vậy cần buộc bị đơn có trách nhiệm thanh toán tiền hàng còn nợ cho nguyên đơn.

[5] Về số tiền gốc phải thanh toán: theo biên bản đối chiếu công nợ hai bên xác nhận tổng số tiền nợ là 59.947.000đ đã cộng lãi 2%/tháng từ tháng 5/2017 đến tháng 7/2018. Tuy nhiên thỏa thuận về mức lãi xuất 2%/tháng nêu trên đã vượt quá mức lãi xuất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự (không được vượt quá 20%/năm), do vậy phần vượt quá 4% mà các đương sự thỏa thuận không có hiệu lực. Căn cứ Điều 357; khoản 3 Điều 440; khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự, xác định lãi từ 11/5/2017 đến 31/7/2018 là 14 tháng 20 ngày (tổng 445 ngày) x 47.372.000đ x 20%/năm (tương ứng 1,66%/tháng) = 11.664.565đ + 47.372.000đ = 59.036.565đ là tổng số tiền gốc chị Hoàng Thị L và anh Đào Văn T phải trả cho bà Nguyễn Thị Đ, ông Nguyễn Duy H.

[6] Về yêu cầu trả lãi i: Tại biên bản đối chiếu công nợ hai bên thỏa thuận lãi xuất là 3%/tháng tính từ ngày 01/8/2018, tuy nhiên ngày 20/4/2019 chị Hoàng Thị L cung cấp cho Tòa án 01 giấy xin khất nợ, nội dung thể hiện chị Liễu thừa nhận hiện có nợ bà Nguyễn Thị Đ và ông Nguyễn Duy H số tiền 60.000.000đ từ ngày 01/8/2018 với lãi xuất là 1%/tháng, nhưng chị xin được trả dần. Như vậy có căn cứ xác nhận chị Hoàng Thị L đồng ý trả lãi 1%/tháng như nguyên đơn yêu cầu. Xét thấy, cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc chị Hoàng Thị L và anh Đào Văn T phải trả lãi 1%/tháng đối với số tiền nợ gốc 59.036.565đ tính từ ngày 01/8/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm (09/7/2019) là 11 tháng 08 ngày (tổng 338 ngày), tương ứng với số tiền lãi phải trả là 6.651.452đ. Tổng cộng cả gốc và lãi chị Hoàng Thị L và anh Đào Văn T phải trả cho bà Nguyễn Thị Đ và ông Nguyễn Duy H là 65.688.000đ.

[7] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đ, ông Nguyễn Duy H được chấp nhận nên bà Nguyễn Thị Đ, ông Nguyễn Duy H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bị đơn chị Hoàng Thị L và anh Đào Văn T phải chịu án phí dân sự có giá ngạch để sung ngân sách Nhà nước theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 280; 351; 357; 430; khoản 1, 3 Điều 440; Điều 468 của Bộ luật Dân sự. Khoản 3 Điều 26; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1

Điều 147; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều b khoản 1 Điều 24; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Đ và ông Nguyễn Duy H, buộc chị Hoàng Thị L và anh Đào Văn T phải có trách nhiệm thanh toán cho bà Nguyễn Thị Đ và ông Nguyễn Duy H tổng số tiền cả gốc và lãi là 65.688.000đ (sáu mươi lăm triệu sáu trăm tám mươi tám ngàn đồng)

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Về án phí: Buộc chị Hoàng Thị L và anh Đào Văn T phải chịu 3.284.400đ (ba triệu hai trăm tám mươi bốn ngàn bốn trăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch sung ngân sách nhà nước.

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Đ và ông Nguyễn Duy H tổng số tiền 3.358.000đ (ba triệu ba trăm năm mươi tám ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo các biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2012/0000984 ngày 04/01/2019 và số AA/2012/0000985 ngày 08/01/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án xử vắng mặt hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND H.Hữu Lũng, T. Lạng Sơn;
- Chi cục THADS H.Hữu Lũng, T. Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Hoàng Thị Thanh